



láo fáng
牢房

noun · prison cell

Example Sentences

tā bèi guān zài yī jiān xiá xiǎo de láo fáng lǐ zhǐ yǒu yī zhāng chuáng
他被关在一间狭小的牢房里，只有一张床。

He was locked in a small prison cell with only a bed.

láo fáng de tiě mén zài shēn yè bèi dǎ kāi le
牢房的铁门在深夜被打开了。

The iron door of the prison cell was opened late at night.

Trace each character, then write the word on your own.

牢	牢	牢	牢	牢	牢	牢	牢	牢	牢	
房	房	房	房	房	房	房	房	房	房	房